

## ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM CHƯƠNG 1 KINH TẾ VĨ MÔ

**Câu 1. Khan hiếm đòi hỏi con người phải:**

- a) hợp tác.
- b) cạnh tranh.
- c) giao thương.
- d) lựa chọn.

**Câu 2. Kinh tế học là môn khoa học nghiên cứu cách thức cá nhân, doanh nghiệp, chính phủ và xã hội:**

- a) lựa chọn sự trù phú thay cho sự khan hiếm.
- b) lựa chọn để đối phó với tình trạng khan hiếm.
- c) sử dụng nguồn lực vô hạn của mình.
- d) mưu cầu sự thịnh vượng.

**Câu 3. Vấn đề nào sau đây là của kinh tế học vĩ mô?**

- a) Giá đường tăng ảnh hưởng như thế nào đến thị trường bánh kẹo.
- b) Thâm hụt ngân sách chính phủ ảnh hưởng như thế nào đến lãi suất.
- c) Yếu tố nào quyết định mức sản lượng của doanh nghiệp.
- d) Nguyên nhân giảm giá trên thị trường nông sản.

**Câu 4. Phát biểu nào sau đây có tính thực chứng?**

- a) Chính phủ không nên tái phân phối thu nhập.
- b) Doanh nghiệp phải đóng góp từ thiện nhiều hơn.
- c) Hộ gia đình là nguồn tiết kiệm trọng yếu của nền kinh tế.
- d) Thành phần nước ngoài cần phải được quản lý chặt chẽ hơn.

**Câu 5. Phát biểu nào sau đây có tính chuẩn tắc?**

- a) Chi tiêu của hộ gia đình chiếm phần lớn trong tổng chi tiêu.
- b) Chi ngân sách của chính phủ tăng mạnh năm 2009.
- c) Thành phần doanh nghiệp là nguồn cung việc làm của nền kinh tế.
- d) Hộ gia đình nên gia tăng tiết kiệm.

**Câu 6. Chi phí cơ hội của một lựa chọn là:**

- a) tất cả lựa chọn khác bị bỏ qua.
- b) lựa chọn mang lại giá trị cao nhất đã bị bỏ qua.
- c) lựa chọn mang lại giá trị thấp nhất đã bị bỏ qua.
- d) số tiền phải bỏ ra để có được lựa chọn.

**Câu 7. Vai trò của chính phủ trong hệ thống kinh tế hỗn hợp là:**

- a) Thu thuế.
- b) Can thiệp nhằm điều chỉnh những lệch lạc của hệ thống kinh tế thị trường.
- c) Tập trung bảo vệ trật tự trị an, quốc phòng.
- d) Hoạch định cho toàn bộ hoạt động của nền kinh tế.

**Câu 8. Đường giới hạn khả năng sản xuất (PPF) thể hiện:**

- a) tất cả các sản phẩm một nền kinh tế có thể sản xuất được.
- b) các kết hợp hàng hóa - dịch vụ đầu ra có thể được sản xuất một cách hiệu quả.
- c) tất cả hàng hóa - dịch vụ cần sử dụng nhưng không thể sản xuất do khan hiếm nguồn lực.
- d) tất cả đầu ra của tư liệu sản xuất.

**Dùng thông tin sau trả lời câu 9 và 10:**

Giả sử trong một nền kinh tế có 5 công nhân. Một công nhân có thể làm được 4 bánh ngọt hoặc 3 áo sơ mi trong một ngày. Sản lượng của một công nhân không phụ thuộc vào số lượng các công nhân khác làm việc trong cùng ngành.

**Câu 9. Trên đường cong giới hạn khả năng sản xuất, nếu nền kinh tế sản xuất được 16 bánh ngọt thì số lượng áo sơ mi sản xuất được tương ứng là:**

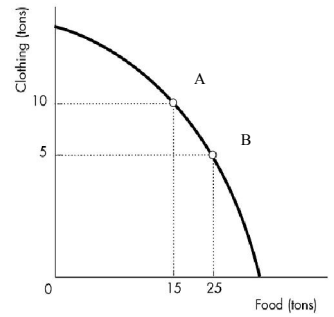
- a) 0
- b) 3
- c) 6
- d) 9

**Câu 10. Tại điểm sản xuất 12 bánh ngọt và 5 áo sơ mi cho thấy tổ chức sản xuất:**

- a) không hiệu quả
- b) hiệu quả
- c) là điểm sản xuất không thể đạt được
- d) chưa đủ thông tin để kết luận

**Câu 11. Chi phí cơ hội của việc tăng thêm 1 đơn vị thực phẩm khi nền kinh tế chuyển từ điểm sản xuất A sang điểm sản xuất B là:**

- a) 1/2 đơn vị quần áo
- b) 1 đơn vị quần áo
- c) 2 đơn vị quần áo
- d) Không xác định được



**Câu 12. Phát biểu nào sau đây không đúng?**

- a) Lạm phát là tình trạng mức giá chung trong nền kinh tế tăng lên trong 1 khoảng thời gian nào đó.
- b) Tỷ lệ thất nghiệp luôn là 1 số dương.
- c) Sản lượng thực tế có thể cao hơn sản lượng tiềm năng.
- d) Chu kỳ kinh tế diễn ra định kỳ.

**Câu 13. Tỷ lệ thất nghiệp tự nhiên:**

- a) Không đổi theo thời gian.
- b) Tiến đến không khi sản lượng thực tế tiến đến sản lượng tiềm năng.
- c) Phụ thuộc chu kỳ kinh tế.
- d) Gồm tỷ lệ thất nghiệp cơ học và tỷ lệ thất nghiệp cơ cấu.

**Câu 14. Thành phần nào sau đây thuộc lực lượng thất nghiệp?**

- a) Sinh viên trong độ tuổi lao động đang đi học.
- b) Tù nhân trong độ tuổi lao động.
- c) Người nội trợ toàn thời gian.
- d) Người lao động đang chờ nhận việc làm mới.

**Câu 15. Các lựa chọn sau đây là tác động của lạm phát, ngoại trừ:**

- a) Lạm phát làm tăng chi phí giao dịch do người dân tích trữ tài sản.
- b) Lạm phát làm giảm sức mua của đồng tiền.
- c) Lạm phát làm tăng lãi suất thực.
- d) Lạm phát làm suy yếu thị trường vốn do lãi suất tăng cao.

**Câu 16. Giảm phát là tình trạng:**

- a) Chỉ số giá năm hiện hành thấp hơn chỉ số giá năm trước đó.
- b) tỷ lệ lạm phát  $< 0$ .
- c) Câu a và b đúng.
- d) Câu a và b sai.

**Câu 17. Khi tính GDP phải loại bỏ sản phẩm trung gian vì:**

- a) nếu không loại bỏ sẽ không đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng.
- b) sản phẩm trung gian chưa phải là sản phẩm hoàn chỉnh.
- c) nếu không loại bỏ sẽ bị trùng lặp trong quá trình tính toán.
- d) Cả 3 câu trên đều đúng

**Câu 18. Ở năm gốc (năm cơ sở):**

- a) GDP thực nhỏ hơn GDP danh nghĩa.
- b) GDP thực lớn hơn GDP danh nghĩa.
- c) GDP thực bằng GDP danh nghĩa.
- d) Không xác định được GDP thực.

**Câu 19. Tốc độ tăng trưởng kinh tế là phần trăm thay đổi của:**

- a) GDP thực.
- b) sản lượng tiềm năng.
- c) GDP danh nghĩa.
- d) chỉ số giá.

**Câu 20. Phát biểu nào sau đây là đúng về chu kỳ kinh tế:**

- a) Một chu kỳ kinh tế diễn ra theo trình tự: đình, mở rộng sản xuất, đầy, thu hẹp sản xuất.
- b) Chu kỳ kinh tế thể hiện sự dao động của sản lượng danh nghĩa quanh sản lượng thực.
- c) Có thể dự báo chính xác thời điểm của thời kỳ hưng thịnh hay suy thoái trong chu kỳ kinh tế.
- d) Chu kỳ kinh tế thể hiện những dao động trong ngắn hạn của sản lượng thực tế quanh sản lượng tiềm năng.

**Câu 21. Sản lượng tiềm năng:**

- a) thể hiện mức sản lượng thực tế hằng năm.
- b) thể hiện mức sản lượng có thể sản xuất trong điều kiện toàn dụng nguồn lực.
- c) có tính chu kỳ.
- d) Cả (a) và (c) đúng.

**Câu 22. Phát biểu nào sau đây là đúng?**

- a) Sản lượng thực dao động quanh sản lượng tiềm năng.
- b) Sản lượng tiềm năng dao động quanh sản lượng thực.
- c) Sản lượng tiềm năng chính là sản lượng thực.
- d) Sản lượng tiềm năng là sản lượng tối đa của nền kinh tế.

Dùng thông tin sau trả lời các câu 23, 24 và 25:

	2000	2003	2004
GDP danh nghĩa (tỷ)		6.000	6.500
CPI (%)	100	120	125

Câu 23. GDP thực năm 2003 và 2004 lần lượt là:

- a) 6.000 tỷ và 6.500 tỷ
- b) 5.000 tỷ và 5.200 tỷ
- c) 4.500 tỷ và 5.000 tỷ
- d) 4.800 tỷ và 5.600 tỷ

Câu 24. Tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2004 là:

- a) 1%
- b) 2%
- c) 3%
- d) 4%

Câu 25. Tỷ lệ lạm phát năm 2004 là:

- a) 4,17%
- b) 5,17%
- c) 6,17%
- d) 7,17%